

Số: **1751** /QĐ-BKHĐT

*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2018*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích (Phụ lục Danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

1. Niêm yết Danh mục thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Quyết định này tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 2. Các đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:**

1. Niêm yết Danh mục thủ tục hành chính quy định tại Điều 1 Quyết định này tại nơi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

2. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Hồ sơ trình, giải quyết thủ tục hành chính cần ghi rõ tại Phiếu trình là “Dịch vụ Bưu chính công ích” viết tắt là (DVBCCI) trên góc phía bên phải.

4. Khi vào sổ công văn và phát hành văn bản trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Văn phòng Bộ có trách nhiệm phân loại và thống kê số thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 1039/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện và không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu, Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Tổng công ty Bưu điện Việt Nam;
- Các đơn vị: ĐTN, QLĐT, PTDN, KTDN, TCCB, VPB<sub>1</sub> (KSTH, PCVP, D.Đạt);
- Trung tâm tin học (để đưa tin);
- Lưu: VT, VPB (KSTH) 41, 18

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Vũ Đại Thắng**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**



*Thực hiện kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

| STT   | TÊN THHC  | CĂN CỨ PHÁP LÝ  |
|---|---|---|
| <b>I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI</b> |   |   |
| 1   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài        | - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 (Luật Đầu tư).<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP ngày 25/9/2015 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (Nghị định số 83/2015/NĐ-CP);<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT ngày 17/10/2018 hướng dẫn và ban hành mẫu văn bản thực hiện thủ tục đầu tư ra nước ngoài (Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT). |
| 2   | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài | - Luật Đầu tư;<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| 3   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án thuộc diện Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài                   | - Luật Đầu tư;<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| 4   | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài              | - Luật Đầu tư;<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| 5   | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài   | - Luật Đầu tư;  |

|  |   |   |
|--|---|---|
|  | đối với dự án không thuộc diện phải có quyết định chủ trương đầu tư ra nước ngoài       | - Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| 6  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài                                    | - Luật Đầu tư;<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| 7  | Chấm dứt dự án đầu tư ra nước ngoài   | - Luật Đầu tư;<br>- Nghị định số 83/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BKHĐT   |
| <b>II. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b> |   |   |
| <b>Mục 1. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài</b>  |   |   |
| 8  | Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Nghị định số 93/2009/NĐ-CP).<br>- Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ (Thông tư số 07/2010/TT-BKH). |
| 9  | Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)          | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 07/2010/TT-BKH   |
| 10   | Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)          | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 07/2010/TT-BKH   |
| 11   | Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phí dự án      | - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 07/2010/TT-BKH   |
| <b>Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài</b>  |   |   |
| 12   | Xác nhận chuyên gia   | - Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA (Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg);<br>- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế  |

|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 (Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC). |
|--|--|---|

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA  
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ  
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

| STT  | TÊN TTHC  | CĂN CỨ PHÁP LÝ   |
|--|---|--|
| <b>I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>   |   |  |
| 1  | Thành lập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập                       | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và công ty TNHH một thành viên là công ty con của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (Nghị định số 172/2013/NĐ-CP). |
| 2  | Thành lập công ty TNHH một thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập                                 | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 3  | Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập              | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 4  | Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 5  | Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập                      | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 6  | Chia, tách công ty TNHH một thành viên do Bộ trưởng quyết định thành lập hoặc được giao quản lý         | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 7  | Giải thể công ty TNHH một thành viên  | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| 8  | Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên  | Nghị định số 172/2013/NĐ-CP  |
| <b>II. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI</b> |   |  |
| <b>Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài</b>  |   |  |

|    |   |  |
|----|---|--|
| 9  | Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận khoản hỗ trợ ngân sách  | Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP (Nghị định số 132/2018/NĐ-CP).  |
| 10 | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại.  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 16/2016/NĐ-CP)</li> <li>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT)</li> </ul> |
| 11 | Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi (không bao gồm các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công Số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 (Luật Đầu tư công);</li> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.</li> </ul>   |
| 12 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án, sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án nhóm A                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.</li> </ul>   |
| 13 | Quyết định chủ trương thực hiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.</li> </ul>   |
| 14 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.</li> </ul>   |
| 15 | Lập, thẩm định quyết định đầu tư chương trình mục tiêu sử   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đầu tư công;</li> <li>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;</li> </ul>   |

|    |   |   |
|----|---|---|
|    | dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi  | - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.  |
| 16 | Lập, thẩm định quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi  | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;<br>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.              |
| 17 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án khác sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ | - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;<br>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.  |
| 18 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản                   | - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;<br>- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.;<br>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT. |
| 19 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi              | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;<br>Nghị định số 132/2018/NĐ-CP.                |
| 20 | Quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi  | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP.  |
| 21 | Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi   | - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT.                                    |

### III. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU

#### Mục 1. Đấu thầu lựa chọn nhà thầu (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện)

|    |   |   |
|----|---|---|
| 22 | Thủ tục đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư | - Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 (Luật Đấu thầu);<br>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP);<br>- Nghị định 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (Nghị định 30/2015/NĐ-CP);<br>- Thông tư liên tịch số 07/2015/FTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết việc cung cấp đăng tải thông tin về |
|----|---|---|



|  |  |   |
|--|--|---|
|  |  | đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng (Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC).  |
| 23   | Thay đổi, bổ sung các thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia  | - Luật Đấu thầu;<br>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;<br>- Nghị định số 30/2015/NĐ-CP;<br>- Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC.   |
| 24   | Công nhận giảng viên về đấu thầu   | - Luật đấu thầu;<br>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT ngày 05/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu (Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT). |
| 25   | Xóa tên giảng viên về đấu thầu   | - Luật đấu thầu;<br>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT.  |
| 26   | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu   | - Luật đấu thầu;<br>- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;<br>- Thông tư số 03/2016/TT-BKHĐT;  |
| 27   | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất   | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP (Nghị định số 63/2018/NĐ-CP).   |
| 28   | Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất  | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP   |
| 29   | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất  | - Luật Đầu tư công;<br>- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP   |
| <b>IV. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA</b>                   |  |   |
| <b>Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo</b> |  |   |
| 30   | Công bố thông tin thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; tăng, giảm vốn góp của quỹ; gia hạn thời gian hoạt động của quỹ; thanh lý, giải thể quỹ và kết quả giải thể quỹ trên Cổng | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 4/2017/QH14 ngày 12/6/2017 (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa);<br>- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa |

|    |  |  |
|----|--|--|
|    | thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. | khởi nghiệp sáng tạo (Nghị định số 38/2018/NĐ-CP).   |
| 31 | Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên          | - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;<br>- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa |

Phụ lục II



**MẪU PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TRẢ  
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-BKHĐT ngày 28 tháng 11 năm  
2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH  
hoặc DVBCCI**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**TÊN ĐƠN VỊ...**

*Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

**PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC**

Kính gửi: .....

**Vấn đề trình:**.....

**Các văn bản kèm theo:** .....

| <b>NỘI DUNG VÀ KIẾN NGHỊ</b>   | <b>GIẢI QUYẾT CỦA LÃNH ĐẠO</b>   |
|--|--|
| <p><b>1. Tóm tắt nội dung và kiến nghị của chuyên viên:</b></p> <p><i>Kính trình ..... xem xét, quyết định./</i></p> <p><b>Chuyên viên soạn thảo văn bản</b></p> <p><b>Nguyễn Văn A</b><br/>Điện thoại: .....</p> <p><b>2. Ý kiến của Lãnh đạo đơn vị:</b></p> | <p><b>3. Ý kiến của các đơn vị phối hợp:</b></p> <p>Ngày / /.....</p> <p><b>4. Giải quyết của Lãnh đạo Bộ:</b></p> <p>Ngày / /.....</p> <p>Chánh VP: Ngày / /.....</p> |
| <p><b>Độ mật:..... Độ khẩn:.....</b></p>   | <p>Thư ký LD: Ngày / /.....</p>  |